

Bản án số: 201/2026/HS-PT
Ngày 22 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Long

Ông Nguyễn Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 do có kháng cáo của bị hại bà Trần Thị Ngọc Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

Bị cáo : **Phạm Văn L**, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1954, tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: số 45 H, tổ 10, phường A, thành phố Đà Nẵng; số căn cước công dân: 048054002400; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị C (chết); Gia đình bị cáo có 05 người con, bị cáo là con thứ ba; bị cáo có vợ Phạm Thị B (chết) và 07 người con, con lớn nhất sinh năm 1977, con nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm: 1979; Địa chỉ thường trú: tổ 59, phường S, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: số 45 H, tổ 10, phường A, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Mỹ H; Luật sư Công ty Luật TNHH D– Chi nhánh Đà Nẵng; địa chỉ: 141 D, phường , thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2023, Phạm Văn L có tặng cho ngôi nhà tại địa chỉ 45 H, phường A cho con trai là Phạm Thanh H, giữa hai bên có thỏa thuận ông H sẽ chăm sóc, phụng dưỡng L lúc tuổi già. Năm 2024, ông H bị đau không đi lại được nên bà Trần Thị Ngọc Y (đăng ký kết hôn với ông H vào ngày 10/3/2025) đến ở cùng với ông H và L tại ngôi nhà trên. Quá trình chung sống đến đầu năm 2025, giữa L với ông H, bà Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt nên L không sống cùng ông H và bà Y. Ban ngày L ra miếu Công viên cây me (cách nhà khoảng 200m) sinh sống, tối về ngủ tại nhà số 45 H, phường A. Trong thời gian này, giữa L và ông H, bà Y không thỏa thuận được về phương án giải quyết đối với ngôi nhà tại địa chỉ 45 H, phường A nên liên tục xảy ra mâu thuẫn.

Sáng ngày 31/5/2025, sau khi dọn dẹp toàn bộ đồ dùng để ra miếu Công viên cây me sinh sống thì L lên phòng vợ chồng ông H, bà Y để yêu cầu vợ chồng ông H ra gặp mặt L nói chuyện. Tuy nhiên ông H, bà Y không đồng ý mở cửa phòng ra gặp mà ở trong phòng nói vọng ra “Ba ung nói gì thì nói đi”. Lúc này, tức giận vì vợ chồng ông H, bà Y không mở cửa nên L vào phòng thờ lấy 01 tua vít đập vỡ cửa kính rồi dùng chân đạp gãy các song cửa (bằng gỗ) để vào phòng ngủ của vợ chồng ông H, bà Y. Bà Y liên tục la ré, ông H thấy L vào được phòng thì bỏ chạy ra phía sau nhà và nhảy qua mái tôn nhà bên cạnh (là mái tôn của nhà số 47-49-51 H, cách tầng 3 nhà ông H khoảng 1,5-2m). L nhặt 01 cây gỗ (rơi ra từ cánh cửa phòng ngủ) để đánh bà Y (nhưng không trúng) thì bà Y có cầm 01 con dao cán màu đen dài 20cm (đã để sẵn trên đầu giường từ trước) chống cự lại. Sau đó bà Y đi lui về hướng sân thượng (sau phòng ngủ), trên tay vẫn cầm con dao thì L đuổi theo. Bà Y đi lùi đến gần bờ tường sân thượng thì bị vấp ngã xuống bờ bê tông, con dao rớt xuống sân sân thượng. Lúc này bà Y đang trong tư thế ngồi, hai tay đưa lên che đầu (tay trái cầm điện thoại và kính đeo mắt, tay phải không cầm gì) thì L cầm cây gỗ đánh nhiều cái trúng vào vùng đầu, tay phải và ngực phải của bà Y khiến thanh gỗ bị gãy. L dừng lại thì bà Y nhảy qua mái tôn nhà bên cạnh (có ông H đứng sẵn chờ ở bên) để bỏ chạy. Sau đó L nhặt con dao (do bà Y làm rớt) mang xuống tầng 1, đi ra đường và đứng dưới nhìn lên nhà số 47-49-51 H. Bà Y và ông H thấy L đứng phía dưới nên không dám trèo xuống mà đi sang nhà số 53 H để đi xuống đất. Sau đó bà Y được ông H đưa đến bệnh viện Đà Nẵng cấp cứu.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, bà Trần Thị Ngọc Y có đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố vụ án hình sự.

Tang vật thu giữ:

- 01 cây gỗ hình vuông, kích thước (1,5x1,5)cm, dài 84cm, đã bị gãy làm đôi; 01 con dao cán màu đen dài khoảng 15cm, bản dao màu trắng hình chữ

nhật kích thước (15x20)cm; số tiền 2.000.000 đồng (do bị cáo Phạm Văn L tự nguyện giao nộp).

- 01 USB màu đỏ bạc chứa dữ liệu các video ghi nhận diễn biến sự việc ngày 31/5/2025 (do bà Trần Thị Ngọc Y tự nguyện giao nộp).

Tại Kết luận giám định số 139/KLTTCT-TTPYĐN ngày 09/9/2025 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng xác định: bà Trần Thị Ngọc Y bị thương tích:

- + Chấn động não đã điều trị.
- + Tồn thương phần mềm ở đầu (H1), mặt mu đốt 2 ngón I tay phải (H2) và mặt mu đốt 2 ngón II tay phải (H3).
- + Chấn thương ngực phải gây gãy 02 xương sườn 9, 10 (H4).
- + Sau vành tay có 02 vết thương đã lành tạo sẹo, không co kéo vành tai (H5).

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị Ngọc Y tại thời điểm giám định là 11%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Trong đó, chấn động não = 02%; vết H1 = 01%; vết H2 = 01%; vết H3 = 01%; H4 = 04%; H5 = 02%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s, o khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2026).

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Kháng cáo:

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, bị hại bà Trần Thị Ngọc Y có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, có dấu hiệu chưa xem xét đầy đủ chứng cứ, đánh giá lời khai và tình tiết vụ án có dấu hiệu phiến diện, áp dụng tình tiết giảm nhẹ chưa phù hợp, kháng cáo xem

xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng khách quan, toàn diện, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại bà Trần Thị Ngọc Y giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị hại bà Trần Thị Ngọc Y theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đã xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s, o khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích” và xử phạt bị cáo Phạm Văn L 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 31/5/2025, tại số nhà 45 H, phường A, thành phố Đà Nẵng, do đã có mâu thuẫn từ trước liên quan đến việc tranh chấp ngôi nhà tại địa chỉ số 45 H mà bị cáo Phạm Văn L đã tặng cho con trai Phạm Thanh H. Bị cáo L đã có hành vi dùng cây gỗ hình vuông, kích thước (1,5x1,5)cm, dài 84cm - là hung khí nguy hiểm, đánh bà Trần Thị Ngọc Y (vợ của ông H) liên tiếp nhiều cái vào vùng đầu, tay phải (do bà Y đưa tay lên đỡ) và vùng ngực phải của bà Y gây thương tích với tỷ lệ 11%. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Phạm Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan chứng cứ, lời khai và các tình tiết của vụ án; việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, được trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tranh luận công khai đối với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bản án sơ thẩm đã đánh giá vụ án không phải chỉ căn cứ vào lời trình bày của riêng bị hại mà đã xem xét, đánh giá toàn diện lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu,

chứng cứ, kết luận giám định và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án để xác định đúng diễn biến, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với ý kiến cho rằng việc đánh giá chứng cứ còn phiến diện, chưa khách quan, Hội đồng xét xử nhận thấy bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án hoặc chứng minh có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm. Những tình tiết mà bị hại nêu trong đơn kháng cáo đã được nhận định đầy đủ tại bản án sơ thẩm.

Đối với việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ đúng các quy định của Bộ luật Hình sự, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ được pháp luật quy định và các tình tiết đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ xác định cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ làm ảnh hưởng đến việc giải quyết đúng đắn vụ án; cũng không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo đề nghị của bị hại nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Bị hại bà Trần Thị Ngọc Y phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Trần Thị Ngọc Y;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng:

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s, o khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2026).

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị hại bà Trần Thị Ngọc Y phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- TAND KV 2 – Đà Nẵng;
- VKSND KV 2 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV 2 – Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CATP Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Mai